

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HS-PT
Ngày 20 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Thanh Gia

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Ông Ung Quang Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 178/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thị Bích H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 80/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Thị Bích H, sinh ngày 10/7/1982 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052182004934; nơi cư trú: Số C đường P, phường A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T (chết) và bà Nguyễn Thị Bích H1 (chết); chồng: Lưu Viết H2, sinh năm 1975; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2005 và nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 07/6/2025 cho đến nay và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Minh T1 – Luật sư đang hoạt động tại Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh G, bào chữa cho bị cáo Trần Thị Bích H do bị cáo mời (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10/2024, thông qua mối quan hệ làm ăn, ông Phạm Thành T2 bắt đầu quen biết với Trần Thị Bích H. Biết H là vợ của ông Lưu Viết H2 (cùng công tác tại Ban K, đóng quân tại sân bay P) nên ông T2 tin tưởng và đã nhiều lần

cho H mượn tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Đến đầu tháng 12/2024, H hỏi mượn ông T2 số tiền lớn để làm ăn nên ông T2 yêu cầu có tài sản gì để cầm cố. Thời điểm này, ông T2 đang mượn Hà xe ô tô biển kiểm soát 77C-155.51 (nhãn hiệu FORD, số loại RANGERWILDTRAK, màu sơn trắng, số máy P4AT561797, số khung MNCUMFF80JW800793) nên H nói dùng tài sản này để cầm cố, ông T2 đồng ý và hẹn khi nào có tiền sẽ giao dịch, viết giấy làm tin.

Trong thời gian này, H đang có thỏa thuận giao dịch dựng nhà xưởng với bà Hồ Thị Như T3 (cư trú tại: Số B đường N, phường Q, tỉnh Gia Lai). Hai bên đã tìm hiểu giá thị trường và thống nhất giá trị hợp đồng là 1.031.000.000 đồng (bao gồm 250.000.000 đồng tiền mua, lắp đặt trạm cân và 781.000.000 đồng tiền vật tư, lắp đặt nhà xưởng còn lại). Biết bà T3 quen thân với vợ chồng ông T2 nên H gợi ý bà T3 bảo ông T2 là người chứng kiến khi hai bên xác lập hợp đồng (thể hiện qua tin nhắn zalo giữa H và bà T3).

Tối ngày 07/12/2024, ông T2 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 77C-155.51 (lúc này T2 đang mượn xe của H) chở bà T3 đến nhà H để trao đổi và xác lập hợp đồng. Tại đây, H tự viết một giấy nhận tiền cọc 300.000.000 đồng từ bà T3 để xác lập hợp đồng dựng nhà xưởng và trạm cân tại xã B, huyện T, tỉnh Gia Lai (nay là xã T, tỉnh Gia Lai); ông T2 là người ký làm chứng cho hai bên. Thấy nội dung ghi chưa rõ ràng, ông T2 đã ghi thêm vào giấy với nội dung: *“Nhà xưởng đầy đủ khung xương, kèo xà, dầm mái theo đúng thiết kế và hiện trạng xưởng đã hoàn thiện từ trước theo đúng yêu cầu của bên B”*. Sau khi đã thỏa thuận xong giao kèo với bà T3, Hà nhắc đến việc mượn tiền của ông T2. H viết sẵn một giấy mượn số tiền 600.000.000 đồng với nội dung cầm cố cho ông T2 xe ô tô trên, thời hạn mượn là 02 tháng. Đến ngày 09/12/2024, ông T2 chuyển đủ tiền cho H rồi nhận “Giấy mượn tiền” do H viết (trên giấy thể hiện nội dung *“Em H nhận đủ”*).

Trong thỏa thuận giữa H với bà T3, đến ngày 10/12/2024, bà T3 đã chuyển đủ tiền cọc nên H đã vận chuyển và lắp trạm cân (trị giá 250.000.000 đồng) vào ngày 11/12/2024. Sau đó, bà T3 đã nhiều lần trả tiền cho H (bao gồm chi phí ứng trả tiền vận chuyển trạm cân và vật tư đến xưởng) đến ngày 18/12/2024 với tổng số tiền là 683.000.000 đồng. Sau khi chuyển đủ vật tư (cột, kèo) để dựng xưởng cho bà T3, H yêu cầu bà T3 trả đủ tiền theo thỏa thuận cho mình (còn lại 348.000.000 đồng) nhưng bà T3 không đồng ý vì cho rằng H phải lắp hoàn thiện nhà xưởng cho mình theo giá trị hợp đồng, cơ sở là giấy nhận tiền cọc vào ngày 07/12/2024 (nội dung mà ông T2 ghi bổ sung) và thỏa thuận miệng trước đó. Bà T3 đưa ra chứng từ hợp đồng H mua vật tư từ người khác chỉ có giá trị là 428.000.000 đồng (chênh lệch với giá T3 mua theo hợp đồng là 353.000.000 đồng). Hai bên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn tranh chấp về số tiền thanh toán hợp đồng.

Khi không đòi được tiền của bà T3, H bắt đầu quay sang yêu cầu ông T2 phải chịu trách nhiệm vì có tham gia vào hợp đồng với tư cách là người làm chứng. Lúc này, ông T2 cũng không đồng tình với H mà bảo vệ quyền lợi cho bà T3 trong hợp đồng nêu trên. H tiếp tục mâu thuẫn với ông T2 và đòi lấy lại xe ô tô biển kiểm soát 77C-155.51 đã cầm cố trước đó. Ông T2 không đồng ý trả lại xe cho đến

khi Hà tắt T4 đủ 600.000.000 đồng đã mượn. Đến ngày 24/01/2025, H đã chuyển trả lại cho ông T2 số tiền 110.000.000 đồng và nói rằng đã trả đủ tiền. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/01/2025 (tức 29 Tết), H đi cùng bà Châu Thị Y (cư trú tại: Số C đường L, phường Q, tỉnh Gia Lai) và bà Mai Thị Thu H3 (cư trú tại: Số C đường A, phường Q, tỉnh Gia Lai) đến nhà ông T2 tại số A đường H, phường Q, tỉnh Gia Lai để yêu cầu tính toán lại số tiền rồi trả xe. Tại đây, một mình H lớn tiếng la, chửi gây mất trật tự nên Công an phường Đ, thành phố Q, tỉnh Gia Lai (nay là Công an phường Q, tỉnh Gia Lai) đến mời H cùng ông T2 về làm việc để làm rõ mâu thuẫn. Đồng thời, ông T2 cũng đưa xe ô tô biển kiểm soát 77C-155.51 đến trụ sở Công an phường để làm rõ tranh chấp. Sau khi làm việc giữa hai bên, Công an phường Đ chỉ nhắc nhở về lỗi gây mất trật tự và hướng dẫn hai bên có tranh chấp dân sự thì thực hiện việc khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Sau đó, ông T2 ra về trước, điều khiển xe ô tô trên chõr vợ đi ăn tối đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì về đậu xe trước nhà. Lúc này, H làm việc xong, đang trên xe taxi cùng các bà Y, H3 từ trụ sở Công an phường Đ đi về. Khi đi đến ngã ba Huỳnh Tấn P - H, H nhìn thấy xe ô tô biển kiểm soát 77C-155.51 đang đậu trước nhà ông T2 nên nảy sinh ý định dùng chìa khóa dự phòng đến lấy xe. H yêu cầu dừng xe, một mình đi bộ đến nơi xe ô tô trên đang đậu. Ông T2 đang tưới cây mai ở phía trước nhà thì H đến gần xe ô tô, H không nói gì mà dùng chìa khóa dự phòng mở khóa, lên xe ngồi và khởi động xe nhanh chóng chạy đi. Ông T2 đang đứng phía bên phải phía sau xe khoảng 02-03m, vướng mắc đang cầm vòi tưới và bị động với tình huống trên do xe đang chạy là nguồn nguy hiểm cao độ nên không thể ngăn chặn H. H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 77C-155.51 rời khỏi hiện trường về cất xe tại nhà mình ở phường A, tỉnh Gia Lai. Các bà Y, H3 cũng bất ngờ với việc H lấy xe nên tự đi taxi về và không liên lạc với H nữa. Công an phường Đ tiếp nhận tố giác của ông T2, lập hồ sơ chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTTHS ngày 11/4/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 77C-155.51 tại thời điểm ngày 28/01/2025 trị giá 250.800.000 đồng.

Ngày 29/8/2025, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô biển kiểm soát 77C-155.51 cùng giấy tờ liên quan cho Trần Thị Bích H (H đã giao lại cho chồng là ông Lưu Viết H2 nhận tài sản quản lý, sử dụng).

H đã khắc phục hậu quả cho ông T2 số tiền 490.000.000 đồng (là số tiền nợ còn lại theo giấy mượn tiền). Ông T2 đã có đơn bãi nại, không có yêu cầu bồi thường gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tranh chấp dân sự giữa H và bà T3, hai bên tự thống nhất giải quyết riêng với nhau, không liên quan đến vụ án này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2025/HS-ST ngày 29/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai đã căn cứ điểm a khoản 3 Điều 172, các điểm b, s khoản 1

và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Bích H 03 năm tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/9/2025, bị cáo Trần Thị Bích H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, xử phạt bị cáo 24 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ông Phạm Thành T2 có mối quen biết với Trần Thị Bích H và đã nhiều lần cho H mượn tiền. Vào ngày 07/12/2024, H đã cầm cổ xe ô tô biển kiểm soát 77C-155.51 cho ông T2 để vay số tiền 600.000.000 đồng với thời hạn 02 tháng. Đến ngày 24/01/2025 (chưa hết hạn thỏa thuận), H mới chuyển trả cho ông T2 được 110.000.000 đồng, H cân trừ tiền nợ vào các khoản tiền khác và cho rằng đã trả đủ tiền cho ông T2 nên H liên tục đòi ông T2 trả lại xe, ông T2 không đồng ý trả lại xe cho đến khi Hà tất T4 đủ số tiền đã mượn. Tối ngày 28/01/2025 (tức 29 Tết), sau khi làm việc với Công an phường Đ, thành phố Q, tỉnh Gia Lai (nay là Công an phường Q, tỉnh Gia Lai) về hành vi lớn tiếng la, chửi gây mất trật tự yêu cầu ông Tâm tính T5 lại số tiền rồi trả xe tại nhà ông T2 ở số A đường H, phường Q, tỉnh Gia Lai, trên đường về nhà, H nhìn thấy xe ô tô biển kiểm soát 77C-155.51 đang đậu trước nhà ông T2 nên đã nảy sinh ý định dùng chìa khóa dự phòng đến lấy xe. H đi bộ một mình đến gần xe ô tô, công khai dùng chìa khóa dự phòng mở khóa, lên xe ngồi và khởi động xe nhanh chóng chạy đi trước sự chứng kiến của ông T2. Khi đó, ông T2 đang tưới cây ở phía trước nhà, đứng bên phải phía sau xe khoảng 02-03m, vướng mắc đang cầm vòi tưới và bị động với tình huống trên do xe đang chạy là nguồn nguy hiểm cao độ nên không thể ngăn chặn H. Theo kết luận định giá tài sản thì tại thời điểm ngày 28/01/2025, xe ô tô trên trị giá 250.800.000 đồng.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai đã xét xử bị cáo Trần Thị Bích H về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 172 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền quản lý tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã

hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo bị cáo Trần Thị Bích H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi phạm tội của bị cáo mang tính bộc phát nhất thời, xuất phát từ tranh chấp dân sự về việc vay mượn tiền giữa bị cáo với ông T2; hiện nay, bị cáo đã khắc phục hậu quả cho ông T2 số tiền 490.000.000 đồng (là số tiền nợ còn lại theo giấy mượn tiền) và gia đình bị cáo đã nhận lại tài sản, bị hại đã có đơn bãi nại, không có yêu cầu bồi thường gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo H đã cung cấp thêm tài liệu mới thể hiện trong quá trình công tác, bị cáo là giáo viên giỏi trung học cơ sở cấp thị xã năm học 2015 – 2016 (có giấy chứng nhận của Trường phòng giáo dục và đào tạo thị xã A cũ), được Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định (cũ) tặng danh hiệu lao động tiên tiến, đã hoàn tốt nhiệm vụ công tác năm học 2011-2012, 2017-2018 nên căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, chồng bị cáo ông Lưu Viết H2 là quân nhân, được Chủ tịch nước tặng Huy chương quân kỳ quyết thắng do đã có thời gian 25 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân, góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc vào năm 2020, Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì năm 2014; ông nội bị cáo là ông Trần Đình V được Ủy ban T6 tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc năm 2015, tặng giấy khen do đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua tuổi cao – gương sáng năm 2006 và được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (cũ) tặng giấy khen do đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2006, 2008 tại địa phương.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì bị cáo cũng như gia đình bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Ngoài ra, việc cho bị cáo H được hưởng án treo là không đảm bảo tính răn đe nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[4] Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Trần Thị Bích H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[7] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, xử phạt bị cáo 24 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 172; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Thị Bích H. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo Trần Thị Bích H 02 (hai) năm tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/6/2025.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị Bích H không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 1 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Văn Thanh Gia